

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2020/HC-PT

Ngày: 30 - 6 - 2020

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Bà Mai Thị Tú Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 650/2019/TLPT-HC ngày 08 tháng 11 năm 2019 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 05/2019/HC-ST ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1026/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Ngô T, sinh năm 1936 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn S, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1958 (theo văn bản ủy quyền ngày 18/5/2018) (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Trần Thanh P, thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn S, Chức vụ: Chủ tịch (vắng

mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn N1, Chức vụ: Phó Chủ tịch (theo văn bản ủy quyền ngày 09/5/2019) (xin vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Tấn H, Chức vụ: Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số 249, đường NH, khóm 3, thị trấn S, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện ông Ngô T (do ông Phạm Văn N đại diện theo ủy quyền).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/9/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/12/2018 của ông Ngô T và ông Phạm Văn N đại diện theo ủy quyền của ông Ngô T trình bày:

Ngày 24/8/2017, ông Ngô T có đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) và gửi đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 10/01/2018, hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ của ông Ngô T đã được UBND xã B chuyển đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện H và nơi đây đã tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả ngày 14/3/2018, đồng thời đã thu tiền của ông Ngô T gồm: Tiền đo đạc là 315.000 đồng, tiền thẩm định là 150.000 đồng, tiền cấp giấy chứng nhận là 125.000 đồng. Tổng cộng là 477.500 đồng.

Đến ngày 14/3/2018, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện H có mời ông Ngô T đến để trả lại hồ sơ và kèm theo Công văn số: 14/VPĐK ngày 15/01/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H. Nội dung trả lời là đã bồi thường cho ông Phùng Văn D theo Quyết định thu hồi số 1388/QĐ-UB ngày 22/8/2001 của UBND huyện H là không đúng sự thật vì diện tích 3.087m² thu hồi của ông D theo Quyết định số 1388 là diện tích đất mà ông D đã trả thành quả cho ông Ngô T theo biên bản hòa giải thành của UBND xã B ngày 15/02/1995. Ngoài ra, nơi đây không hoàn trả cho ông Ngô T số tiền đo đạc, thẩm định, tiền cấp Giấy chứng nhận đã thu là 477.500 đồng.

Ngày 17/7/2018, ông Ngô T làm đơn yêu cầu cấp GCNQSDĐ gửi đến Chủ tịch UBND huyện H yêu cầu cơ quan chức năng ra thực địa thẩm định tại chỗ có các chủ đất và ông Phùng Văn D xác định phần đất ông D đã nhận bồi thường nhưng không có cơ quan chức năng nào xác minh thẩm định với sự có mặt của các hộ dân và ông Phùng Văn D tại thực địa.

Ngày 23/8/2018, UBND huyện H có Công văn trả lời số: 247/UBND-NC xác định đất này đã bồi thường cho ông Phùng Văn D và Võ Thị X. Nội dung này không đúng với sự thật vì phần đất ông Phùng Văn D được bồi thường là 3.120m² phần đất này ông D đã trả thành quả lao động cho ông Ngô T. Phần đất bà Võ Thị X được bồi thường giáp với đất ông D và phần còn lại của ông Ngô T đúng với thực địa.

Phần diện tích đất của ông Ngô T còn lại ông Ngô T rào, trồng cây, sử dụng ổn định 18 năm nay không liên quan gì đến phần đất đã được bồi hoàn cho ông D và bà X.

Yêu cầu Tòa án cho xác minh, thẩm định tại chỗ ngoài thực địa có mặt ông Phùng Văn D, bà Võ Thị X và các hộ lân cận xác định phần đất 3.120m² đã bồi thường cho ông Phùng Văn D.

Yêu cầu UBND huyện H cung cấp quyết định bồi thường đất của bà Võ Thị X là bao nhiêu, tứ cận là ai, tọa lạc tại đâu.

Nay ông Ngô T yêu cầu hủy Công văn số 247/UBND-NC ngày 23/8/2018 của UBND huyện H.

Buộc UBND huyện H, tỉnh Đồng Tháp phải thực hiện việc cấp GCNQSDĐ cho ông Ngô T với diện tích 525m², thuộc thửa đất số 5892, tờ bản đồ số 03, mục đích sử dụng là đất ở nông thôn, đất tọa lạc tại ấp 2, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Hiện phần đất trên ông Ngô T đang quản lý, sử dụng cất nhà ở hợp pháp từ năm 1975 đến nay.

Nếu trường hợp UBND huyện H không thực hiện việc cấp GCNQSDĐ cho ông Ngô T thì phải hoàn trả lại cho Ngô T số tiền đã nộp để đo đạc, thẩm định, phí cấp GCNQSDĐ là 477.500 đồng.

Ngày 06/7/2019, ông Phạm Văn N đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Ngô T có đơn xin thay đổi tư cách đương sự đối với người bị kiện là UBND huyện H thành người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện H.

Tại phiên đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm: Ông Nguyễn đại diện theo ủy quyền của ông Ngô T xác định chỉ yêu cầu hủy Công văn số 247/UBND-NC ngày 23/8/2018 của UBND huyện H. Không yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ phần đất ông Ngô T yêu cầu cấp GCNQSDĐ. Rút lại yêu cầu buộc UBND huyện H, tỉnh Đồng Tháp thực hiện việc cấp GCNQSDĐ cho ông Ngô T với diện tích 525m², thuộc thửa đất số 5892, tờ bản đồ số 03, mục đích sử dụng là đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp 2, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp và rút yêu cầu trả số tiền tạm nộp để đo đạc, thẩm định, phí cấp GCNQSDĐ tổng cộng là 477.500 đồng.

Theo văn bản ý kiến ngày 20/3/2019 của UBND huyện H trình bày:

UBND huyện H ban hành Công văn số 247/UBND-NC ngày 23/8/2018, về việc trả lời đơn của ông Ngô T là phù hợp với quy định pháp luật vì vụ việc của ông Ngô T đã được Chủ tịch UBND huyện H, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp và Tòa án nhân dân huyện H giải quyết bác yêu cầu của ông Ngô T cụ thể tại các văn bản sau:

Quyết định số 2348/QĐ-UBND.NĐ ngày 21/9/2006 của Chủ tịch UBND huyện H về việc bác đơn khiếu nại của ông Ngô T.

Quyết định số 775/QĐ-UBND.NĐ ngày 24/12/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Ngô T.

Bản án số 05/2012/HC-ST ngày 14/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện H về việc yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 2348/QĐ-UBND.NĐ ngày 21/9/2006 của Chủ tịch UBND huyện H.

Ông Ngô T yêu cầu UBND huyện H cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 525m², thuộc thửa 5892, tờ bản đồ số 2, mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp 2, xã B, huyện H là không có cơ sở xem xét. Bởi vì phần diện tích đất này không thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Ngô T và đã được Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 2348/QĐ-UBND.NĐ ngày 21/9/2006 giải quyết bác đơn khiếu nại của ông Ngô T.

Ông Ngô T yêu cầu hoàn trả lại số tiền đã nộp để đo đạc, thẩm định, phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 477.500 đồng. Việc thu phí này là do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H thu và quyết toán với Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp nên UBND huyện H không có ý kiến đối với yêu cầu này.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm 05/2019/HC-ST ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô T yêu cầu hủy Công văn trả lời đơn số 247/UBND-NC ngày 23/8/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ngô T đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện H phải thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Ngô T với diện tích là 525m², thuộc thửa 5892, tờ bản đồ số 2, mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp 2, xã Tân Thành B, huyện H và yêu cầu trả lại số tiền đã nộp để đo đạc, thẩm định, phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng cộng là 477.500 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/10/2019, ông Ngô T (do ông Phạm Văn N đại diện theo ủy quyền) có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Ngô T (có ông Phạm Văn N đại diện theo ủy quyền) vẫn kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, luật sư Trần Thanh P phát biểu ý kiến: Người khởi kiện không yêu cầu Tòa án phải thẩm định tại chỗ, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, hủy Công văn số 247/UBND-NC ngày 23/8/2018 của UBND huyện H về việc trả lời đơn xin cấp GCNQSDĐ của ông T đối với diện tích 525m², đất tọa lạc tại thửa số 5892, tờ bản đồ số 3 thuộc ấp 2, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp với lý do ông Ngô T vẫn còn đất chứ không phải đã bồi thường hết cho ông Phùng Văn D như bản án sơ thẩm đã nhận định. Ngoài ra, khi UBND huyện H lập quy hoạch xây dựng Cụm Tiểu thủ công nghiệp ấp 2 (xã B) theo Bản trích đo ngày 13-12-2013 vẫn xác nhận diện tích đất của ông T là 737m² tại thửa số 5595. Nếu UBND huyện H không cấp GCNQSDĐ cho ông T, khi đất này bị giải tỏa, ông T phải được bồi thường theo quy định pháp luật.

Người bị kiện xin vắng mặt; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật Tố tụng hành chính. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Tại Biên bản phiên tòa ngày 24/9/2019 phía người bị kiện xác định không đến thực địa xác định đo đạc thực tế, đại diện UBND huyện H thừa nhận có sự chênh lệch diện tích cấp cho ông Phùng Văn D, chưa xác định diện tích nằm trong khu bồi thường hay không. Chứng cứ khi xem xét vụ án chưa được làm rõ, chưa xem xét thẩm định tại chỗ, thiếu sự đo đạc thực tế, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô T, là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ngô T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại cấp phúc thẩm, người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[1.2] Công văn trả lời đơn số 247/UBND-NC ngày 23/8/2018 của UBND huyện H có nội dung trả lời khiếu nại của ông T về việc không xem xét hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ đối với phần đất có diện tích 525 m². Căn cứ vào khoản 8 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Công văn nêu trên do UBND huyện H trả lời là chưa phù hợp, thẩm quyền trả lời khiếu nại là của Chủ tịch UBND huyện H. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện H, nên sai sót về thẩm quyền ban hành Công văn trả lời đơn số 247/UBND-NC không làm thay đổi bản chất nội dung vụ việc. Do vậy, UBND huyện H cần rút kinh nghiệm về hình thức thẩm quyền ban hành văn bản.

[2] Về nội dung:

[2.1] Người khởi kiện cho rằng, nguồn gốc đất là do ông Ngô T nhận chuyển nhượng từ ông Một C vào năm 1975 với diện tích 13.000 m². Sau đó, do ông không canh tác nên ông Hồ B và bà Võ Thị X vào sử dụng. Biên bản của Thanh tra huyện H đo đạc ngày 18/6/1995 thể hiện phần đất bà X đã sử dụng có diện tích 5.508 m², phần đất ông B sử dụng là 4.680 m². Theo biên bản hòa giải thành ngày 15/02/1995 của UBND xã B giữa ông T và ông B thì ông B đồng ý trả thành quả lao động cho ông T tương đương phần diện tích 3.120 m². Phần diện tích 525 m² mà ông T xin cấp GCNQSDĐ nằm trong 1.560 m² còn lại (4.680 m² – 3.120 m²) sau khi đã trừ phần đất mà ông B sử dụng. Trong 4.680 m², ông D chỉ sử dụng 3.120 m² (do đã trả thành quả lao động) và Quyết định số 2348/QĐ-UBND.NĐ ngày 21/9/2006 của Chủ tịch UBND huyện H không chấp nhận khiếu nại đòi bồi thường không liên quan đến phần đất 525 m² mà ông T xin cấp GCNQSDĐ.

[2.2] Người bị kiện cho rằng phần đất 525 m² nằm trong diện tích ông D (con rể ông Hồ B) sử dụng đã được thu hồi và bồi thường xong. Năm 1996 khi Nhà nước quy hoạch làm bể lắng nạo vét kênh T-G, quy hoạch mở rộng năm 2001, ông T không được bồi thường. Ông T khiếu nại và vụ việc được giải quyết bằng Bản án hành chính đã có hiệu lực pháp luật số 05/2012/HC-ST ngày 14/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện H, bác yêu cầu hủy Quyết định 2348/QĐ-

UBND.NĐ ngày 21/9/2006 của Chủ tịch UBND huyện H có nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông T.

[2.3] Xét thấy, diện tích đất ông D bị thu hồi: Năm 1997 là 1.715 m² (BL 95), năm 2001 là 3.087 m² theo Quyết định thu hồi đất số 1388/QĐ-UB ngày 22/8/2001. Tổng diện tích ông D bị thu hồi là 4.802 m². Như vậy, diện tích bị thu hồi lớn hơn diện tích mà ông D đã sử dụng của ông T theo biên bản đo đạc ngày 18/6/1995 là 122 m² (4.802 m² – 4.680 m²).

Năm 2012 khi giải quyết vụ án hành chính khiếu kiện đối với Quyết định 2348/QĐ-UBND.NĐ, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ nhưng phía ông T không xác định chính xác vị trí phần đất mà ông sử dụng (BL 55). Quyết định 72/QĐ-UB ngày 07/12/2000 của UBND xã B, căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15/02/1995 thể hiện nội dung: “Ông B bồi hoàn thành quả lao động cho ông T đối với diện tích 3.120m², chứ không thể hiện ông D chỉ sử dụng với diện tích trên” (BL12).

Kết quả xác minh của chính quyền địa phương, từ năm 1986 ông T đã bỏ hoang không sử dụng nên một số người dân vào khai thác sử dụng trong đó có ông D, bà X. Diện tích mà ông D bị thu hồi và bồi thường lớn hơn diện tích mà ông T cho rằng ông D được quyền sử dụng (4.802 m² và 3.120 m²), nhưng ông T không có ý kiến thắc mắc về diện tích mà ông D đã bị thu hồi, chỉ khiếu nại khởi kiện việc có sử dụng đất nhưng không được bồi thường đối với phần đất sau khi đã trừ diện tích đất ông D sử dụng.

[2.4] Ngoài ra, Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 24/12/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp, và Bản án số 05/2012/HC-ST ngày 14/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện H đều xác định năm 1985, 1986 Nhà nước thi công, công trình kênh T – G thì một phần diện tích đất của ông T có trùng vào quy hoạch. Do không có chủ trương bồi thường nên không xác định được diện tích cụ thể. Nếu xét tổng diện tích mà ông D và ông Nguyễn Bé T1 (chồng bà X) bị thu hồi vào năm 1997, 2001 (ông D là 4.802 m², ông T1 là 6.353 m²) với diện tích đã trùng quy hoạch năm 1985, 1986, tương đối phù hợp với diện tích mà ông T nhận chuyển nhượng năm 1975 nên có cơ sở xác định phần diện tích đất của ông T đã được thu hồi và bồi thường hết.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô T là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo không xuất trình được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của ông Ngô T và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm. Lập luận trên cũng là cơ sở không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng như ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

[4] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Ngô T được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bác yêu cầu kháng cáo của ông Ngô T (có ông Phạm Văn N đại diện theo ủy quyền); giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2019/HC-ST ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô T yêu cầu hủy Công văn trả lời đơn số 247/UBND-NC ngày 23/8/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H.

Về án phí hành chính phúc thẩm: ông Ngô T được miễn.

Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Đồng Tháp (1);
- VKSND tỉnh Đồng Tháp (1);
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp (1);
- Các đương sự (10);
- Lưu: hồ sơ (1), VP (3), 16b (PPC);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Nhựt Bình